

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/KDTM-PT

Ngày 01-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng gia công và
bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLPT-KDTM, ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST, ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐ-PT, ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở số H, đường G, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Trần B, Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần B: Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 2000; cư trú tại số E, đường K, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh “Theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2024” (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty TNHH S2); địa chỉ trụ sở ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long, do ông Huỳnh Cao P, Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Trần B là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH S trình bày: Công ty TNHH S (Viết tắt là Công ty S) và Công ty TNHH S1 (Viết tắt là Công ty S1) ký kết hợp đồng số 01/2023/Robmix Ecohome/HĐGC ngày 09/01/2023 và phụ lục hợp đồng 01/2023/Robmix - Ecohome/HĐGC ngày 09/01/2023, phụ lục hợp đồng 02/2023/Robmix - Ecohome/HĐGC ngày 17/01/2023, có nội dung Công ty S nhận gia công các sản phẩm theo đơn đặt hàng của Công ty S1 home. Tổng giá trị các mặt hàng Công ty S đã thực hiện theo đơn đặt hàng của Công ty S1 home số tiền bằng 1.702.628.700 đồng (Một tỷ bảy trăm lẻ hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm đồng). Nhưng sau khi nhận hàng hóa, Công ty S1 home mới thanh toán tiền cho Công ty S được 998.644.500 đồng (Chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Sau đó, Công ty S1 đơn phương chấm dứt hợp đồng, gây thiệt hại giá trị hàng hóa cho Công ty S số tiền bằng 703.984.200 đồng. Ngoài ra, còn gây thiệt hại cho Công ty S chi phí thuê kho bãi gửi giữ hàng hóa mỗi tháng bằng 5.000.000 đồng. Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S tổng số tiền bằng 748.984.200 đồng.

Theo người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S1 trình bày: Công ty S1 có ký kết hợp đồng và các phụ lục hợp đồng với Công ty S. Riêng các khoản nợ mà Công ty S khởi kiện thì Công ty S1 home chỉ đồng ý thanh toán tiền hàng hóa bằng 55.200.000 đồng và tiền trực ống đồng bằng 48.000.000 đồng, nhưng Công ty S phải giao trực ống đồng cho Công ty S1. Riêng khoản tiền hàng hóa là 467.169.000 đồng và khoản tiền thuê kho bãi gửi giữ hàng hóa là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) thì Công ty S1 home không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Vì Công ty S1 home không có đơn đặt hàng và việc gửi giữ hàng hóa không thuộc trách nhiệm của Công ty S1 home.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST, ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 542, Điều 544, Điều 545, Điều 546, Điều 552 và Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S.

2. Buộc Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty TNHH S2) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền hàng hóa còn nợ bằng 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền trực ống đồng còn nợ bằng 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị

trường của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, Ngân hàng N1 chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh Trà Vinh tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S về việc yêu cầu Công ty TNHH S2 trả số tiền hàng hóa bằng 467.169.000 đồng và số tiền thuê bãi gửi giữ hàng hóa bằng 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2024, ông Trần B là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty TNHH S1 thanh toán cho Công ty TNHH S giá trị hàng tồn kho bằng 467.169.000 đồng và số tiền thuê bãi gửi giữ hàng hóa bằng 70.000.000 đồng.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngày 09 tháng 01 năm 2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty S1 và người đại diện theo pháp luật của Công ty S, ký kết hợp đồng số 01/2023/ROBMIX-ECOHOM/HDGC, theo đó: Công ty S có trách nhiệm gia công các sản phẩm keo chà ron – trắng và keo dán gạch – xám cho Công ty S1; đơn giá, quy cách và tiêu chuẩn của mỗi loại sản phẩm. Về nguyên liệu, vật tư thì Công ty S (Bên B) sẽ đặt làm trực ống đồng cho Công ty S1 (Bên A) đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan chức năng, được sản xuất và đóng gói đúng tiêu chuẩn. Chi tiết về hàng hóa, số lượng, chủng loại và quy cách đóng gói hàng hóa sẽ được Công ty S (Bên B) chỉ rõ trong các đơn đặt hàng,... Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về việc ký quỹ; thời gian và phương thức giao nhận hàng hóa; kho bãi, bảo quản sản phẩm; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức giải quyết tranh chấp; các thỏa thuận khác. Ngoài hợp đồng chính, còn có phụ lục hợp đồng và phụ lục hợp đồng 02 (BL 64, 65, 66, 67, 68, 69, 76, 77).

[2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S gia công các sản phẩm theo

đơn đặt hàng của Công ty S1 home. Công ty S1 đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty S, nhưng việc thanh toán tiền có lúc chậm trễ dẫn đến Công ty S có văn bản đề nghị thanh toán. Tuy nhiên, hai bên không cùng nhau đối chiếu công nợ, mà mỗi bên tự đối chiếu và gửi văn bản cho bên kia biết. Cụ thể: ngày 31/5/2023, Công ty S lập bảng kê chi tiết công nợ gửi Công ty S1, theo đó số tiền Công ty S1 phải thanh toán hết nợ cho Công ty S bằng 979.764.500 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng) (BL 131). Cùng ngày 31/5/2023, Công ty S1 home lập biên bản đối chiếu công nợ gửi Công ty S, theo đó số tiền Công ty S1 còn nợ Công ty S bằng 1.280.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) (BL 141). Khi nhận được thông báo của Công ty S1, ngày 13/6/2023 Công ty S ban hành thông báo về việc trả lời thông báo Công ty S1 home yêu cầu giải quyết thanh toán những vấn đề tồn đọng gồm, số lượng hàng hóa tại kho của Công ty S, số lượng vỏ bao bì keo đã đặt trước đó, với số tiền bằng 481.445.600 đồng (Bốn trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng); khoản tiền làm trực đồng và bao bì keo chà ron (4 trục cho 4 loại) số tiền bằng 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng); yêu cầu Công ty S1 home thanh toán phần công nợ quá hạn đơn hàng ngày 30/5/2023 số tiền bằng 62.080.000 đồng (Sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) (BL 59, 60).

[3] Theo các tài liệu tin nhắn qua điện thoại thể hiện: Sau ngày 30/5/2023, Công ty S1 còn gửi tin nhắn đặt hàng với Công ty S vào các ngày 10 và 11 tháng 11 năm 2023 (BL 166, 167). Theo vi bằng số 0179/2024/VB-TPLQ11, ngày 23/8/2024 của Văn phòng thừa phát lại Q lập có nội dung và hình ảnh ghi nhận tại kho bãi gửi giữ hàng hóa của Công ty S, trên bao bì ghi dòng chữ “ECO HOME” (BL 205, 210, 211, 212, 222, 230, 236, 237, 240, 245). Cùng ngày 23/8/2024, Công ty S lập biên bản kiểm kê hàng hóa tồn kho với tổng số tiền bằng 467.169.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng) và gửi cho Công ty S1 (BL 251, 252, 253).

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp Công ty S1 home không cung cấp được tài liệu, giấy tờ để chứng minh sau ngày 31/5/2023 Công ty S1 tiếp tục thanh toán tiền cho Công ty S, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh sản phẩm hàng hóa do Công ty S gia công bị lỗi. Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S đòi Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền bằng 467.169.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng), là không phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty S kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền bằng 467.169.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng), là có căn cứ.

[5] Đối với kháng cáo của Công ty S về chi phí thuê kho bãi gửi giữ hàng hóa bằng 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Thấy rằng, các hình ảnh ghi nhận tại kho bãi gửi giữ hàng hóa của Công ty S được Thừa phát lại lập vi bằng số 0179/2024/VB-TPLQ11, ngày 23/8/2024 có hình ảnh trên bao bì ghi dòng chữ

“”ECO HOME” (BL 205, 210, 211, 212, 222, 230, 236, 237, 240, 245). Như vậy, trên thực tế cho đến thời điểm ngày 23/8/2024 số hàng hóa của Công ty S1 còn lưu giữ tại kho bãi của Công ty S. Theo Điều 5 của thỏa thuận hợp đồng quy định về thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng *“Trường hợp Công ty S1 (Bên A) chậm nhận sản phẩm thì Công ty S (Bên B) có thể gửi sản phẩm đó tại nơi nhận giữ giữ và phải báo ngay cho bên A. Nghĩa vụ giao sản phẩm hoàn thành khi đáp ứng được các điều kiện đã thỏa thuận tại hợp đồng này và bên A đã được thông báo. Bên A phải chịu mọi chi phí phát sinh từ việc gửi giữ...Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường”* (BL 15, 67). Công ty S1 đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty S. Vì vậy, Công ty S1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty S.

[6] Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2024, người đại diện theo pháp luật của Công ty S chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S1 thanh toán chi phí thuê mặt bằng số tiền bằng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) (BL 03). Theo khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*. Do đó, người đại diện hợp pháp của Công ty S kháng cáo yêu cầu Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền bằng 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), là có căn cứ chấp nhận một phần. Buộc Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền bằng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)

[7] Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng tại địa phương, là không đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tòa án sơ thẩm buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm và thông báo cho Công ty S nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), cũng không đúng danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của Công ty S, sửa bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm, là đúng với sai sót của Tòa án sơ thẩm. Tuy nhiên, nếu hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại, cũng không làm thay đổi nội dung vụ án và sai sót đó Tòa án phúc thẩm khắc phục, sửa chữa được.

[10] Về án phí: Do Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo pháp luật của Công ty S, nên án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm được điều chỉnh lại tương ứng với tổng số tiền

Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S bằng 28.614.760 đồng (615.369.000đ = 20.000.000đ + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đ). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty S bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009349, ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Vĩnh Long).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của Công ty S.

Sửa bản án sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST, ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

2. Buộc Công ty S1 (Nay là Công ty S2) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền hàng hóa còn nợ bằng 55.200.000 đồng, số tiền trực ống đồng còn nợ bằng 48.000.000 đồng, số tiền giá trị hàng hóa bị thiệt hại bằng 467.169.000 đồng, số tiền thuê kho bãi gửi giữ hàng hóa bằng 45.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bằng 615.369.000 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho Công ty S bằng 16.980.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), theo biên thu số 0003433, ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Vĩnh Long).

Buộc Công ty S1 phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm bằng 28.614.760 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty S bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009349, ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Vĩnh Long).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 10 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 10, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê